

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/6/2020

*“ V/v tranh chấp xin ly hôn ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân* : Ông Nguyễn Đăng Hải

Bà Đào Thị Đoan

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Ngọc Lâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội:*** Bà Trịnh Thị Oanh-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Anh Bùi Ngọc C, sinh năm 1989

*Địa chỉ* : Dục T1, Tiên D, Sóc Sơn, Hà Nội.

*2.Bị đơn* : Chị Trần Thị T, sinh năm 1991

*Địa chỉ* : Lạc N, Mai Đ, Sóc Sơn, Hà Nội.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Bùi Ngọc C trình bày:*

*-Về hôn nhân:* Anh và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã Tiên D. Trước đó thì anh, chị đã kết hôn vào năm 2016 nhưng do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên năm 2018 thì anh, chị đã ly hôn. Sau đó, đến năm 2019 thì vợ chồng lại quay về với nhau và ra UBND xã Tiên D đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung cùng với gia đình anh, cuộc sống vợ chồng từ khi quay lại với nhau, anh thấy cũng không có hạnh phúc, vợ chồng lại vẫn cãi vã nhau. Đến tháng 01/2020 thì chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

*-Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Đức T2, sinh ngày 31/01/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị T. Ly hôn anh đề nghị để chị T tiếp tục nuôi con và tự chị đảm nhiệm việc nuôi con.

*-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp:* Vợ chồng anh không có gì liên quan, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 27/5/2020, bị đơn là chị Trần Thị T trình bày:*

*-Về quan hệ hôn nhân:* Chị xác nhận như anh C trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý.

*-Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Đức T2, sinh ngày 31/01/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi con và tự đảm nhiệm việc nuôi con.

*-Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp:* Vợ chồng chị không có gì liên quan, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án củ*  
Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 53,55,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

+Về hôn nhân: Cho anh Bùi Ngọc C được ly hôn chị Trần Thị T

+Về nuôi con chung: Giao con chung là Bùi Đức T2, sinh ngày 31/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, chị T không được ngăn cản.

+Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn là chị Trần Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Năm 2016 anh Bùi Ngọc C và chị Trần Thị T kết hôn, sau đó do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên năm 2018 anh, chị đã ly hôn. Đến ngày 14/5/2019, thì anh chị lại quay về với nhau và đến UBND xã Tiên D đăng ký kết hôn. Do vậy, cuộc hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống không có lòng tin đối với nhau, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị xin được ly hôn, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra chị cũng đã xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn tình yêu thương và chị đồng ý ly hôn. Xác minh ở gia đình được biết anh chị chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng

quan hệ vợ chồng anh, chị không thay đổi. Do vậy, có thể thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, cho anh được ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

*[3] Về nuôi con chung:*

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Bùi Đức T2, sinh ngày 31/01/2017. Hiện cháu đang ở với chị T. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, anh C đề nghị để chị T tiếp tục nuôi con. Xét yêu cầu của anh C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*[4] Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp:* Anh C, chị T không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

*[5] Về án phí:* Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 28,35 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

*1.Về hôn nhân:* Anh Bùi Ngọc C được ly hôn chị Trần Thị T

*2.Về nuôi con chung:* Giao con chung là Bùi Đức T2, sinh ngày 31/01/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị T không được cản trở.

*3. Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp:* Không đặt ra xem xét, giải quyết.

*4. Về án phí:* Anh C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0018648 ngày 14/5/2020.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh C được quyền kháng cáo. Chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đăng Hải**

**Đào Thị Đoan**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**